

Bản án số: 21/2022/DS-ST.

Ngày: 10-6-2022.

V/v “Tranh chấp hợp đồng dân sự
góp họ (hụi) và hợp đồng vay tài
sản”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ R

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đoàn Văn Thậm.

*Các Hội thẩm nhân dân: 1. Đoàn Thị Liễu;
2. Bà Lê Thị Út Tím.*

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Tú – Thư ký của Tòa án nhân dân thành phố R.

Trong ngày 10 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố R, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 79/2021/TLST-DS ngày 12/4/2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng dân sự góp họ (hụi) và hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2022/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

** Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thùy O, sinh năm 1978. (có mặt)*

Địa chỉ: Số 18 T, khu phố 5, phường A, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

** Bị đơn: Bà Lê Mỹ P, sinh năm 1964. (có mặt)*

Địa chỉ: Số 210 C, khu phố 1, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

Chỗ ở: Số 214/8 C, khu phố 1, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong quá trình giải quyết vụ kiện chị Nguyễn Thị Thùy O trình bày:*
Tôi có tham gia 01 dây hụi mỗi tháng 10.000.000 đồng do chị P làm chủ áp ngày 09/6/2018 âm lịch. Dây hụi hoạt động 10 tháng thì chị P tuyên bố đình hụi. Tôi đã đóng được 10 tháng với tổng số tiền là 100.000.000 đồng nhưng chỉ yêu cầu chị P trả lại phần vốn là 70.000.000 đồng. Chị P đã trả cho tôi số tiền 31.000.000 đồng, còn nợ lại tôi số tiền hụi là 39.000.000đ (Ba mươi chín triệu đồng).

Ngoài ra, vào tháng 10/2018 chị P có mượn tôi số tiền 50.000.000 đồng hứa đến tháng 11/2018 sẽ trả nhưng không trả đúng hạn nên từ tháng 12/2018 thì bắt đầu tính lãi 5%/tháng tương đương tiền lãi là 2.500.000 đồng. Đến tháng 4/2019, chị P ngưng không trả lãi do bề hụi nên chỉ góp tiền gốc hàng tháng mỗi

tháng 3.000.000 đồng. Tổng số tiền gốc chị P đã trả cho tôi là 31.000.000 đồng, còn nợ lại 19.000.000đ (Mười chín triệu đồng).

Nay tôi yêu cầu chị P phải trả cho tôi toàn bộ số tiền nợ hui và nợ vay là 58.000.000đ (Năm mươi tám triệu đồng) và tự nguyện không yêu cầu tính lãi.

** Trong quá trình giải quyết vụ kiện bà Lê Mỹ P trình bày:* Tôi thừa nhận chị O có tham gia 01 dây hui mỗi tháng 10.000.000 đồng do tôi làm chủ áp ngày 09/6/2018 âm lịch. Dây hui hoạt động 10 tháng thì bị bẻ hui. Chị O đã đóng được 10 tháng với tổng số tiền là 100.000.000 đồng nhưng O chỉ yêu cầu tôi trả lại phần vốn là 70.000.000 đồng. Tôi đã trả cho O số tiền 41.000.000 đồng, còn nợ lại tôi số tiền hui là 29.000.000đ (Hai mươi chín triệu đồng).

Ngoài ra, vào tháng 01/2018 tôi có vay của O số tiền 50.000.000 đồng, tính lãi 5%/tháng tương đương tiền lãi mỗi tháng là 2.500.000 đồng. Tôi đóng lãi đến khoảng 10/2020 âm lịch thì ngưng đóng lãi. Tuy nhiên, tôi không yêu cầu Tòa án tính lại đối với số tiền lãi tôi đã đóng, cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với số tiền lãi tôi chưa trả cho O. Tiền nợ gốc tôi đã trả được 21.000.000 đồng, còn nợ lại tiền gốc là 29.000.000đ (Hai mươi chín triệu đồng). Vậy tôi còn nợ tổng số tiền là 58.000.000đ (Năm mươi tám triệu đồng).

Nay, tôi đồng ý trả tổng số tiền còn nợ là 58.000.000đ (Năm tám triệu đồng) theo yêu cầu khởi kiện của chị O nhưng do gặp khó khăn về kinh tế nên xin trả dần mỗi tháng 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng) vào ngày 20 dương lịch, kỳ đầu tiên thực hiện vào ngày 20/6/2022 và tiếp tục thực hiện vào ngày 20 các tháng tiếp theo đến khi hết nợ.

** Tại phiên tòa:*

- Nguyên đơn – chị Nguyễn Thị Thùy O xác định giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bà P phải trả dứt điểm trong thời hạn 07 tháng kể từ thời điểm xét xử tổng số tiền nợ hui và nợ vay là 58.000.000đ (Năm mươi tám triệu đồng) và tự nguyện không yêu cầu tính lãi.

- Bị đơn – bà Lê Mỹ P tôi đồng ý trả tổng số tiền còn nợ là 58.000.000đ (Năm tám triệu đồng) theo yêu cầu khởi kiện của chị O nhưng do gặp khó khăn về kinh tế nên xin trả dần mỗi tháng 1.000.000đ (Một triệu đồng) đến khi hết nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn – chị Nguyễn Thị Thùy O khởi kiện bị đơn bà Lê Mỹ P có địa chỉ tại Số 210 C, khu phố 1, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang và chỗ ở: Số 214/8 C Tám, khu phố 1, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang yêu cầu trả tiền nợ hui và nợ vay Hội đồng xét xử xác định đây là “dân sự góp họ (hui) và hợp đồng vay tài sản” nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố R, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – chị Nguyễn Thị Thùy O:

Chị Nguyễn Thị Thùy O khởi kiện yêu cầu bà Lê Mỹ P phải trả tổng số tiền nợ vay và nợ hui là 58.000.000đ (Năm mươi tám triệu đồng) và tự nguyện không yêu cầu tính lãi. Trong đó, số tiền nợ vay là còn nợ lại 19.000.000đ (Mười chín triệu đồng) và số tiền nợ hui là 39.000.000đ (Ba mươi chín triệu đồng). Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, chị O cung cấp cho Tòa án Biên bản hòa giải đề ngày 15/12/2019 tại Trụ khu phố 1, phường Vĩnh Lợi, thành phố R, tỉnh Kiên Giang và sổ hui.

Về phía bị đơn – bà Lê Mỹ P: Trong quá trình giải quyết vụ kiện, bà P thừa nhận có nợ tiền hui và nợ vay của chị O. Tuy nhiên, số tiền nợ hui và nợ vay không giống như chị O trình bày, cụ thể: Bà P xác nhận số tiền nợ vay là 29.000.000đ (Hai mươi chín triệu đồng) chứ không phải là 19.000.000đ (Mười chín triệu đồng) và thừa nhận số tiền nợ hui là 29.000.000đ (Hai mươi chín triệu đồng) chứ không phải là 39.000.000đ (Ba mươi chín triệu đồng). Xét thấy, hai bên có sự mâu thuẫn về số tiền nợ vay và nợ hui nhưng thống nhất với nhau về tổng số tiền còn nợ là 58.000.000đ (Năm mươi tám triệu đồng). Mặt khác, chị O cũng tự nguyện không yêu cầu tính lãi cho nên việc số tiền của mỗi loại nợ không thống nhất cũng không ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của bị đơn.

Do đó, Căn cứ Điều 117 Bộ luật dân sự năm 2015 việc vay tiền giữa chị Nguyễn Thị Thùy O với bà Lê Mỹ P đủ các điều kiện để giao dịch có hiệu lực, bà P là người có năng lực hành vi dân sự đầy đủ nên phải chịu trách nhiệm đối với giao dịch đã xác lập. Căn cứ vào các Điều 351, Điều 463, Điều 466, Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2015, cần buộc bà P trả cho chị O tổng số tiền nợ vay và nợ hui là 58.000.000đ (Năm mươi tám triệu đồng) là phù hợp.

Về số tiền lãi đã trả xong hai bên không có tranh chấp yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử miễn xét.

Về thời hạn trả nợ, các đương sự không thống nhất được với nhau vì nguyên đơn yêu cầu phải trả trong thời hạn 07 tháng kể từ thời điểm xét xử hết toàn bộ số nợ nêu trên nhưng bị đơn thì xin trả dần mỗi tháng 1.000.000đ (Một triệu đồng) đến khi hết nợ. Xét thời gian trả nợ các đương sự không thống nhất được với nhau về phương thức trả nợ nên Hội đồng xét xử không có cơ sở ghi nhận. Mặt khác, yêu cầu này không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo hướng dẫn tại mục 1 Phần III của Thông tư liên tịch số 01/TTLT ngày 19/6/1997 của TANDTC-VKSNDTC-BTP-BTC hướng dẫn việc xét xử và thi hành án.

[3] Về án phí dân sự có giá ngạch: Do yêu cầu khởi kiện của chị O được chấp nhận nên bà P phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định pháp luật là: 58.000.000đ x 5% = 2.900.000đ (Hai triệu chín trăm nghìn đồng). Chị Nguyễn Thị Thùy O được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91; Điều 93; khoản 1 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 117; khoản 2 Điều 351; Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26; điểm d mục 1.3 phần II Danh mục án phí của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử :

1. Chấp nhận phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – chị Nguyễn Thị Thùy O về việc tranh chấp hợp đồng dân sự góp họ (hụi) và hợp đồng vay tài sản đối với bị đơn – bà Lê Mỹ P. Buộc bị đơn – bà Lê Mỹ P có trách nhiệm trả cho chị Nguyễn Thị Thùy O tổng số tiền nợ vay và nợ hụi là 58.000.000đ (Năm mươi tám triệu đồng), khi Bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày chị O có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà P không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì hàng tháng bà P còn phải trả cho chị O thêm một khoản tiền lãi tính theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 trên số tiền còn nợ tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bị đơn bà Lê Mỹ P phải chịu án phí theo quy định pháp luật là 2.900.000đ (Hai triệu chín trăm nghìn đồng).

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thùy O được hoàn lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.450.000đ (Một triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0001788 ngày 08/4/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 10/6/2022).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tp.Rạch Giá;
- Chi cục THA dân sự tp.Rạch Giá;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đoàn Văn Thắm